TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:43/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-05-2019
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũ**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Quốc**
2. Ông **Ngô Văn Lầu**
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trung An**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 29-05-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2018/TLST-HNGĐ, ngày 07/05/2018 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà NĐ, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông BĐ, sinh năm 1981. Địa chỉ: Đài Loan. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà NĐ trình bày:

Vào năm 2015, qua sự mai mối, bà và ông BĐ quen biết và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/6/2015, vào sổ đăng ký kết hôn số 128, quyển số 01/2015 ngày 17/6/2015. Sau khi kết hôn, đến ngày 09/01/2016 bà qua Đài Loan sinh sống cùng với ông BĐ. Tuy nhiên, do cuộc sống nơi xứ người và không quen với phong tục địa phương nên ngày 21/01/2016 bà đã quay trở về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Hai người đã không còn chung sống từ ngày 21/01/2016 cho đến nay và giữa hai bên cũng không còn liên lạc với nhau, cũng như không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng.

Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông BĐ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bà NĐ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Ông BĐ là người Trung Quốc và sinh sống tại Đài Loan, có địa chỉ rõ ràng. Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã lập hồ sơ ủy thác tư pháp tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho ông BĐ vào ngày 25/05/2018 và Bộ Tư pháp đã có văn bản số 3494/BTP-PLQT, ngày 07/11/2018 thông báo Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 27/9/2018, để ông BĐ xác nhận một số vấn đề liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Thơ, nhưng ông BĐ không có văn bản trả lời cho Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, NĐ yêu cầu giải quyết vắng mặt ông BĐ và đây là phiên Tòa mở lần thứ hai nhưng ông BĐ vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông BĐ.

* Về nội dung:

[2] Vào ngày 12/6/2015 bà NĐ và ông BĐ kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/6/2015, vào sổ đăng ký kết hôn số 128, quyển số 01/2015 ngày 17/6/2015. Sau khi kết hôn ngày 09/1/2016 NĐ sang Đài Loan đoàn tụ gia đình với ông BĐ. Đến ngày 21/6/2016 NĐ trở về Việt Nam sinh sống, hai người bắt đầu ly thân và không còn liên lạc với nhau cho đến nay, do giữa NĐ và ông BĐ phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên NĐ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông BĐ. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Bà NĐ và ông BĐ đã tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/6/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa NĐ và ông BĐ là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống thì giữa NĐ và ông BĐ phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Nên vào năm 2016 NĐ đã trở về Việt Nam và hai bên không còn liên lạc với nhau. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, giữa hai người không thể hòa hợp, tình cảm giữa hai bên đã không còn, quan hệ hôn nhân chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý, nếu kéo dài cũng làm tổn thương nhau, không thể hàn gắn để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Mặc khác hiện nay, NĐ ở Việt Nam, còn ông BĐ ở Đài Loan, hai bên không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau và không thể hàn gắn để đoàn tụ gia đình. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của NĐ xin được ly hôn với ông BĐ là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận và đồng ý cho bà NĐ được ly hôn với ông BĐ.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: không có, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng nguyên đơn bà NĐ phải chịu.

[6] Về án phí sơ thẩm: bà NĐ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 2 Điều 227, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NĐ.

- Về hôn nhân: Bà NĐ được ly hôn với ông BĐ.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn khi ly hôn: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

2. Phí ủy thác tư pháp: 200.000 đồng nguyên đơn bà NĐ phải chịu, được khấu trừ vào số tiền đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002096 ngày 24/05/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà NĐ đã thực hiện xong.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà NĐ phải chịu là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0003014, ngày 07/05/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng; NĐ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã xx;
- Lưu HSVA

Nguyễn Văn Dũ